

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ KHẢO SÁT VÀ ĐO ĐẠC BẢN  
ĐỒ THUẬN THANH**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
KHẢO SÁT VÀ ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ THUẬN THANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN THANH DEVELOPMENT  
TECHNOLOGY SURVEY AND CARTOGRAPHY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108477687

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, Ngách 299/2, Đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát địa hình;<br>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>- Tư vấn lập Quy hoạch xây dựng các loại công trình xây dựng<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật,<br>dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như:<br>+ Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công<br>trình;<br>lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>+ Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>+ Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan<br>đến kỹ<br>thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.<br>+ Hoạt động đo đạc và bản đồ | 7110(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                      | 7410 |
| 3.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4292 |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322 |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311 |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4101 |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4102 |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4212 |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4221 |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222 |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4229 |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4291 |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng | 4329 |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim                                                                   | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4293 |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330 |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển.                                                                                                                  | 4390 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 24. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8121 |
| 25. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8129 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC ĐÌNH | Thôn Bái, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 165.000    | 1.650.000.000         | 55,000    | 151160818                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 165.000    | 1.650.000.000         | 55,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI NGỌC TÚ      | Tổ dân phố Đâu Phụng, Phường Văn Đâu, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    | 031816514                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM LÊ TUẤN     | Số 2 Tổ 45A, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 001089004028                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC ĐÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151160818

Ngày cấp: 10/02/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bái, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bái, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 18/10/2018 đến ngày 17/11/2018

